

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NGUYỄN TẤT ĐẠT^(*)

Cách đây ba mươi năm ngày 7 tháng 11 năm 1981, tại chùa Quán Sứ Hà Nội, các tổ chức Phật giáo Việt Nam tiến hành Hội nghị thống nhất lấy tên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam (viết tắt: GHPGVN). Từ đó đến nay, Giáo hội có nhiều thay đổi để phù hợp với tình hình đất nước cũng như đáp ứng yêu cầu hoàng dương Phật pháp của Giáo hội. Nhằm góp phần giúp Phật tử cũng như cơ quan, tổ chức quan tâm biết về GHPGVN, chúng tôi giới thiệu thành phần, cơ cấu tổ chức của GHPGVN hiện nay.

1. Thành phần của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Thành phần của GHPGVN có các hệ phái, các tu sĩ và cư sĩ. Khi mới thành lập, GHPGVN khẳng định thành phần Giáo hội trong điều 5 của Hiến chương: "Thành phần của GHPGVN gồm các hệ phái Phật giáo Việt Nam, các tu sĩ và các cư sĩ thuộc các hệ phái Phật giáo Việt Nam, gia nhập và chấp nhận bản Hiến chương này"⁽¹⁾.

Về các hệ phái:

- *Hệ phái Bắc tông* có mặt ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam, nhưng chủ yếu ở Miền Bắc. Ngoài tu hành để tự giải thoát, người theo Bắc tông còn có lí tưởng giải thoát cho những người quanh mình. Kinh tạng viết theo hai dạng ngôn ngữ:

Ấn và Hán. Ngôn ngữ Ấn theo chữ Sanskrit (Sanskrit (संस्कृत वाक्) trong ngữ hệ Ấn - Âu, vừa là ngôn ngữ văn bản mang tính lịch sử trong văn hoá Ấn Độ vì được dùng để ghi các kinh sách của Hindu giáo và Phật giáo, vừa là ngôn ngữ trong các nghi thức tế lễ của các tôn giáo này; hiện vẫn là một trong 22 ngôn ngữ được công nhận chính thức tại Ấn Độ. Kinh tạng còn viết bằng chữ Hán do ảnh hưởng của Trung Quốc. Người xuất gia theo Bắc tông có cả Tăng và Ni, Tăng thọ giới cụ túc là 250 giới, Ni thọ giới cụ túc là 348 giới. Họ ăn chay, tự lao động và nhận sự cúng dường của Phật tử để hành đạo mà không đi khất thực, y phục thường ngày là màu nâu. Trong chùa, ngoài tượng Đức Thích Ca còn thờ các vị Bồ tát và các vị thần khác.

- *Hệ phái Nam tông* chủ yếu ở Miền Nam, theo tư tưởng, người nào tu người đó được giải thoát, kinh viết bằng chữ Pali, một ngôn ngữ Trung Ấn - Aryan hay còn gọi là *prakrit* của Ấn Độ. Đây là ngôn ngữ rất nổi tiếng vì được dùng để ghi lại rất nhiều kinh sách của Phật giáo như *Tipitaka* và là ngôn ngữ trong các nghi thức tế lễ của đạo Phật Theravada.

*. TS., Học viện Hành chính, Hà Nội.

1. GHPGVN. *Hiến chương 1981*, tr. 5.

Người xuất gia theo Nam tông chỉ có Tăng sĩ, không có Ni và thọ 277 giới, y phục thường ngày màu vàng nghệ không may thành áo mà quấn hở vai. Tăng sĩ theo Nam tông không bắt buộc ăn chay, họ đi khất thực được gì ăn nấy. Trong chùa Nam tông, tượng bài trí thường chỉ có tượng Đức Thích Ca. Người Việt Nam theo hệ phái Nam tông có cả hai cộng đồng là người Kinh và người Khmer. Người Khmer theo Phật giáo Nam tông tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long. Ngôi chùa Nam tông Khmer ngoài ý nghĩa tôn giáo còn là trung tâm văn hóa, giáo dục, tự quản của người Khmer. Đây là điều rất đặc biệt trong đời sống người Khmer mà Nhà nước cần chú ý khi thực hiện công tác quản lý xã hội đối với cộng đồng này.

- *Hệ phái khất sĩ*: Đây là hệ phái mới xuất hiện ở Miền Nam Việt Nam, là một thành phần của GHPGVN. Hệ phái Khất sĩ ra đời năm 1944 do tổ sư Minh Đăng Quang sáng lập tại Sài Gòn. Cơ sở tu hành gọi là tịnh xá, hệ phái khất sĩ vừa có Tăng sĩ vừa có Ni giới, điều đó nói lên sự phối hợp giữa hai đường hướng tu

hành của Bắc tông và Nam tông. Hệ phái khất sĩ có lối sinh hoạt và y phục giống Nam tông, y phục của Khất sĩ cũng màu vàng nghệ không may thành quần áo, chỉ khác là y phục của Khất sĩ gồm nhiều mảnh vải nhỏ nối lại với lời giải thích mỗi mảnh vải được xem như một giới luật, một lời kinh. Về tượng thờ, hệ phái Khất sĩ cũng chỉ thờ Đức Thích Ca giống Nam tông (chỉ khác là trong tịnh xá có thờ thêm sư tổ Minh Đăng Quang và kiến trúc theo hình bát giác), nhưng giáo lí lại kết hợp Bắc tông và Nam tông. Hệ phái Khất sĩ ra đời cũng đem lại màu sắc phong phú cho PGVN. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trước 1975, hệ phái Khất sĩ đã có những đóng góp to lớn, nhất là Ni giới Khất sĩ.

Về hệ thống Tăng Ni : Đây là thành phần quan trọng và trụ cột của Giáo hội. Tăng Ni là một trong tam bảo của Phật giáo, là sứ giả của Như Lai, vừa trao truyền giáo lí của Phật để hoằng hóa chúng sinh vừa duy trì mạng mạch bảo tồn giáo đoàn của Phật, là người đại diện trong quan hệ với Nhà nước. Dưới đây là số lượng thống kê chức sắc tín đồ Phật giáo:

SỐ LƯỢNG CHỨC SẮC TÍN ĐỒ	NĂM 2001	NĂM 2005	NĂM 2008
Bắc tông	21.606	26.046	32.625
Namtông(Khmer +Kinh)	9.145	9.370	8.919
Khất sĩ	2.045	2.359	2.954
Tín đồ các hệ phái	9.038.345	Khoảng10.000.000	10.000.000

Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ. Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam, phần phụ lục. Hà Nội, 2008.

Hiện nay, để quản lý Tăng Ni, Giáo hội có Hiến chương và có Nội quy Ban Tăng sự. Theo quy định của Giáo hội, thành phần của Tăng Ni Việt Nam có hàng giáo phẩm và hàng đại chúng. Giáo phẩm chư Tăng có Hòa thượng, Thượng tọa được Giáo hội tấn phong; giáo phẩm chư Ni có Ni trưởng, Ni sư được Giáo hội tấn

phong. Thành phần đại chúng có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; Sa di, Sa di ni. Cư sĩ sống và tu hành trong các cơ sở thờ tự của Phật giáo mà không thọ giới xuất gia thì gọi là tịnh nơn. Một người muốn xuất gia vào chùa tu để trở thành Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na ni phải có đủ điều kiện: tự nguyện làm đơn, đủ mười

lăm tuổi, là công dân tốt, sức khỏe bình thường, trình độ văn hóa cấp hai trở lên, đã tu học Phật pháp ít nhất ba năm, thuộc hai khóa tụng của Phật giáo, và vượt qua kì khảo hạch của đàn giới.

Như vậy, ngoài các yêu cầu về tu hành Phật pháp thì yếu tố quan hệ với Nhà nước tức là công dân tốt cũng là điều kiện để trở thành thành viên của Giáo hội. Tăng Ni xuất gia là cắt bỏ sợi dây ràng buộc gia đình và đời thường nhưng điều đó không ảnh hưởng đến sự ràng buộc của họ đối với Nhà nước. Yếu tố công dân chính là sợi dây pháp lí điều chỉnh mối quan hệ của mỗi Tăng Ni với Nhà nước cũng như tập thể Tăng Ni với Nhà nước. Yếu tố công dân còn quyết định đến tư cách thành viên của GHPGVN. Tại điều 44 Hiến chương GHPGVN quy định: “Thành viên nào của Giáo hội bị mất quyền công dân thì đương nhiên mất quyền hạn là thành viên của Giáo hội”. Tất cả Tăng Ni của GHPGVN đều phải đăng kí vào danh bộ và được GHPGVN cấp giấy chứng nhận xác định tư cách thành viên của Giáo hội. Tăng Ni vẫn có quyền hoàn tục nhưng phải nộp lại giấy chứng nhận do Giáo hội cấp và bị xóa tên khỏi danh bộ. Việc cấp giấy chứng nhận tư cách thành viên Giáo hội vừa là biện pháp quản lí của Giáo hội, vừa xác định người tu sĩ theo Phật giáo, vừa có ý nghĩa phân biệt một số các tu sĩ tu theo đạo Phật nhưng lại không phải là thành viên của Giáo hội. Tăng Ni Việt Nam ngoài việc xiển dương đạo pháp còn đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp hộ quốc an dân. Trong lịch sử Việt Nam, có những danh Tăng đạo cao đức trọng trở thành những trí thức đương thời được triều đình phong kiến Việt Nam tôn vinh như Khuông Việt Đại sư, sư Vạn Hạnh, cá biệt có những danh sư từng là vua lập nên chiến công hiển hách rồi từ bỏ ngôi

báu để dựng nên một trường phái PGVN như Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông. Ngày nay, Tăng Ni Việt Nam tiếp nối truyền thống Phật giáo Việt Nam luôn thực hiện phương châm Phật pháp bất li thế gian pháp, tích cực đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tuy nhiên trong hoàn cảnh kinh tế thị trường, đời sống chư Tăng và nhân dân có nhiều biến động, không tránh khỏi những sa sút trong phẩm hạnh của số ít chư Tăng. Tăng không tu trì phẩm hạnh, không tinh thông giáo lí, không đề xuất, dẫn dắt tinh thần cho thế sự, không đạt được sự thông tuệ để giảng giải cho chúng sinh nổi phiền não của thế sự, chư Tăng mãi đi cúng lễ kiếm tiền không khác tục. Trong lịch sử Việt Nam, cuối thời Trần và thời Lê, đội ngũ Tăng sĩ Phật tử đông đảo chưa phải là yếu tố quyết định sự hùng mạnh của Phật giáo mà mặt nào đó lại thể hiện sự suy vong của Phật giáo.

2. Hệ thống tổ chức hành chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Trong lịch sử Phật giáo, vấn đề tổ chức thành giáo hội chưa đặt ra. Đức Phật khi còn tại thế, trực tiếp điều hành Tăng già, ban định giới luật, khuyên tập thể Tăng già sống theo “lục hòa”. Theo các nhà nghiên cứu, do trí tuệ siêu thường và khả năng cảm hóa của Đức Phật, nên giáo đoàn tuy đông đảo mà không có tranh chấp lớn xảy ra. Hơn nữa, Đức Phật không chủ trương tạo ra bộ máy tổ chức, vì tạo ra bộ máy là tạo ra quyền lực. Khi có quyền lực dễ dẫn đến tranh chấp, lạm quyền, lợi dụng quyền có khả năng thu lợi riêng, dễ kết thành bè đảng, sát phạt, hãm hại để tranh giành quyền lực. Do đó, tuy có cộng đồng Tăng già đông đảo nhưng tổ chức Phật giáo lại lỏng lẻo, hình thành theo sơn môn và tổ đình.

Trong Lịch sử Phật giáo Việt Nam, nếu dựa vào Thiên Uyển tập anh thì cách thức tổ chức là dựa vào sơn môn, tổ đình. Còn mô hình tổ chức như giáo hội hiện nay phải đến thế kỉ XX chúng ta mới được biết đến: “Thật vậy, trước thế kỉ XX, như chúng ta đã biết, Phật giáo Việt Nam nói chung không tự tổ chức thành “giáo hội” có thứ bậc như nhà nước thế tục... mà tự tổ chức theo tổ đình và sơn môn”⁽²⁾.

Khi mới thành lập GHPGVN chỉ có hai cấp hành chính là Trung ương và tỉnh hội, thành hội. Hiện nay, mô hình tổ chức của GHPGVN gồm ba cấp hành chính: cấp Trung ương có Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự; cấp tỉnh có Ban Trị sự tỉnh hội, thành hội Phật giáo; còn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thành lập Ban Đại diện. Đơn vị cơ sở của GHPGVN là Tự viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường, tùy theo hệ phái Phật giáo mà có tên gọi khác nhau nhưng không được coi là cấp hành chính.

Hội đồng Chứng minh gồm những Hòa thượng tuổi đời từ bảy mươi trở lên, tuổi đạo năm mươi trở lên số lượng không hạn chế, được Đại hội Phật giáo toàn quốc suy tôn và hưởng tị tại vị suốt đời nếu không có gì bất thường xảy ra. Hội đồng Chứng minh suy cử ra Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, gồm Pháp chủ, các Phó Pháp chủ, các Giám luật, Chánh thư kí và các Phó thư kí. Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo được sửa đổi bổ sung năm 2007, có nhiệm vụ chứng minh các Hội nghị Trung ương GHPGVN và Đại hội Phật giáo Việt Nam; hướng dẫn và giám sát các hoạt động của Giáo hội về mặt đạo pháp và giới luật; phê chuẩn, tấn phong chức vị giáo phẩm như Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư của GHPGVN và ban hành *Thông điệp* nhân ngày Phật đản, chúc tết và trong tình huống đặc biệt.

Nhiệm kì của Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh là năm năm theo nhiệm kì của Hội đồng Trị sự.

Hội đồng Trị sự gồm có các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng, Ni, Cư sĩ của Giáo hội do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự tiên nhiệm đề cử và Đại hội GHPGVN suy cử. Theo Hiến chương của Giáo hội được sửa đổi bổ sung năm 2007 thì Hội đồng Trị sự là cấp điều hành cao nhất của Giáo hội giữa hai kỳ đại hội, có nhiệm vụ ấn định chương trình hoạt động hằng năm của Giáo hội theo Nghị quyết của Đại hội Đại biểu toàn quốc. Hội đồng Trị sự suy cử Chủ tịch, các Phó chủ tịch và Ban Thường trực Hội đồng Trị sự với số lượng thành viên không quá bốn mươi người để thay mặt Hội đồng Trị sự điều hành hoạt động của Giáo hội.

Xem xét cấp Trung ương của Giáo hội, chúng ta thấy các thành viên của Hội đồng Chứng minh gồm những Hòa thượng tiêu biểu: họ tinh thông giáo lí, gìn giữ giới luật nhưng tuổi đời càng cao, sức khỏe và trí tuệ càng giảm, do đó Hội đồng Chứng minh mang nhiều ý nghĩa tượng trưng. Hội đồng Trị sự là cơ quan điều hành Phật sự hằng ngày và đại diện trong mối quan hệ với Nhà nước của Giáo hội. Hội đồng Trị sự có các Tăng Ni với tuổi đời trẻ, khả năng thích ứng và hoạt động cao. Ban Thường trực của Hội đồng Trị sự không quá bốn mươi thành viên, gồm có Chủ tịch, Phó chủ tịch thường trực, các Phó chủ tịch, có Tổng thư kí và các trưởng ban ngành cùng các ủy viên khác là người trực tiếp giải quyết các công việc Phật sự hằng ngày. Giúp việc cho Hội đồng Trị sự là các ban ngành chuyên môn. Hiện nay

2. Nguyễn Quốc Tuấn (chủ nhiệm đề tài). *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX*, Hà Nội, 2006, tr. 66.

GHPGVN có mười ban, gồm *Ban Tăng sự; Ban Giáo dục Tăng, Ni; Ban Hướng dẫn Phật tử; Ban Hoàng pháp; Ban Nghi lễ; Ban Văn hóa; Ban Kinh tế tài chính; Ban Từ thiện xã hội; Ban Phật giáo quốc tế và Viện nghiên cứu Phật học*. Trong các ban, Ban Tăng sự có vị trí đặc biệt quan trọng, vì chư Tăng là trụ cột của Giáo hội, là sứ giả của Như Lai. Đức Phật khi tại thế có nói: “Chỉ có đệ tử Như Lai mới hoại diệt được giáo pháp của Như Lai”. Chư Tăng phẩm hạnh, từ bi, trí tuệ thì đạo Phật thịnh, chư Tăng coi nhờn giới luật, phẩm hạnh suy đồi, Tăng không khác tục thì đạo Phật suy vi.

Ở cấp tỉnh, thành phố, Giáo hội có tổ chức thành Ban Trị sự để điều hành Phật sự tại địa phương, vừa liên hệ với Trung ương Giáo hội vừa đại diện cho Phật giáo trong mối quan hệ với chính quyền Nhà nước ở địa phương. Ban Trị sự không quá bốn bảy người do Đại hội của Phật giáo tỉnh suy cử và được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương chuẩn y. Trưởng ban Trị sự tỉnh, thành phố nhất thiết phải là Tăng sĩ.

Ở quận, huyện, Giáo hội thành lập Ban Đại diện Phật giáo gồm Chánh đại diện, hai phó đại diện, thư kí, kiểm soát, thủ

quỹ, các ủy viên phụ trách các ngành theo các ban ở Trung ương, số lượng không quá 15 thành viên, do đại hội đại biểu Phật giáo cùng cấp bầu ra, được Ban Trị sự tỉnh, thành phố phê duyệt. Như thế trong ba cấp hành chính của Giáo hội, thì cấp quận, huyện hình thành bằng phương thức bầu còn lại đều thông qua phương thức suy cử. Cách tổ chức của Giáo hội Phật giáo trùng với cách tổ chức theo địa giới hành chính của chính quyền. Mối liên hệ theo truyền thừa của sơn môn hệ phái không còn đậm nét. Tổ chức hành chính như vậy vừa thuận tiện cho Giáo hội trong quan hệ với các cơ quan chính quyền cùng cấp vừa tiện cho Nhà nước khi thực thi quản lí xã hội. Ngoài ba cấp hành chính, Giáo hội còn có thể bổ nhiệm một Đại diện Phật giáo ở xã, phường nơi có nhiều cơ sở thờ tự Phật giáo. Đơn vị cơ sở, theo điều 30 của Hiến chương GHPGVN, có: các Tự viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường.

Hệ thống tổ chức hành chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có sự thay đổi phát triển qua các nhiệm kì hoạt động năm năm của Giáo hội. Chúng ta có thể dùng bảng để so sánh qua các nhiệm kì:

NHIỆM KÌ	HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH (SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN)	HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ (SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN)	BAN NGÀNH GIÁO HỘI TW (SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN)
Nhiệm kì I	50	49	6
Nhiệm kì II	37	60	8
Nhiệm kì III	33	70	10
Nhiệm kì IV	67	94	10
Nhiệm kì V	84	95	10
Nhiệm kì VI	98	147	10

Bảng: Số lượng thành viên Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, Ban ngành Trung ương GHPGVN³⁾.

3. Trung tâm nghiên cứu và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo. *Tôn giáo và công tác quản lí nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008, tr. 130.

Qua bảng trên có thể nhận xét Số lượng các thành viên của Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự đều tăng qua mỗi nhiệm kì, nhất là Hội đồng Trị sự (tăng gấp ba lần), đây là cơ quan điều hành Phật sự của GHPGVN. Điều đó cho

thấy hoạt động Phật sự ngày càng đa dạng phức tạp, nó cũng thể hiện sự phát triển của GHPGVN qua các thời kì.

Dưới đây là sơ đồ tổ chức GHPGVN:

Sơ đồ: Mô hình tổ chức
Giáo hội Phật giáo Việt Nam

